

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 237/2018/HNGĐ-ST
Ngày 17 - 9 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Hoàng Đắc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Duyên Văn Hiền
Ông Nguyễn Văn Hận

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huệ – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 481/**2018**/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm **2018** về tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 334/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị N - sinh năm 1993 (xin vắng mặt)
Địa chỉ: ấp Mỹ B, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Trần Văn Đ - sinh năm 1990 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp Tân Tiến, xã Phong Điền, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02-7-2018, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2015, chị N và anh Trần Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau. Năm 2016 anh chị tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phong Điền, huyện T, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Hai anh chị đã ly thân hơn 03 tháng nay mà không có liên hệ hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị N không còn tình cảm và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Đ.

Về nuôi con chung: Chị N và anh Đ có 01 người con tên Trần Ngọc L – sinh ngày 12-7-2015, đang sống với anh Đ. Khi ly hôn, chị N đồng ý giao con cho anh Đ nuôi, không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị N xác định không có.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Trần Văn Đ đúng theo quy định pháp luật nhưng anh Đ không có văn bản thể hiện ý kiến và cũng không có đơn khởi kiện yêu cầu độc lập gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Anh Trần Văn Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ đầy đủ nhưng vẫn vắng mặt. Chị Trần Thị N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh chị.

[2] *Về hôn nhân*: Năm 2015 chị Trần Thị N và anh Trần Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa anh chị được pháp luật công nhận là hợp pháp và được bảo vệ.

[3] Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị N trình bày do bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Chị N và anh Đ đã ly thân hơn 03 tháng nay mà không có liên hệ hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị N xác định không còn tình cảm và cương quyết ly hôn với anh Đ. Về phía anh Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến của mình gửi cho Tòa án. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh Đ không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị N được ly hôn với anh Trần Văn Đ.

[4] *Về nuôi con chung*: Chị N và anh Đ có 01 người con tên Trần Ngọc L – sinh ngày 12-7-2015, đang sống với anh Đ. Khi ly hôn, chị N đồng ý giao con cho anh Đ nuôi, không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu L cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và Gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên, anh Đ không có ý kiến hoặc yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu anh Đ có yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[6] *Về chia tài sản và nợ chung*: Chị N xác định không có.

[7] *Về án phí*: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 143, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh Trần Văn Đ
2. Về nuôi con chung: Giao con chung Trần Ngọc L – sinh ngày 12-7-2015 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Chị N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản và nợ chung: Chị N xác định không có.

4. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ngày 04-7-2018, chị N đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008396 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Phòng KT-NV và THA
TAND tỉnh Cà Mau (Gửi email);
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

Thái Hoàng Đắc